





Hà Nội, ngày...tháng...năm 2021

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG  
CỦA HĐQT/HĐTV, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020  
Từ 01/01/2020 đến hết 31/03/2020**

*(Kèm theo Báo cáo số 029/PIACOM-BC ngày 29/03/2021 của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex)*

**A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020:**

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện: Triệu đồng. 13.364
  - Vốn chủ sở hữu: Triệu đồng. 57.603
  - Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 23,2%
- \* Trường hợp có yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, đơn vị có Phụ lục giải trình kèm theo

**B. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020**

TT	Họ tên	Chức danh	Mức lương CDCV (tr.đ/th)	Mức lương/thù lao thực hiện (tr.đ/th)	Số tháng được hưởng	Tiền lương, thù lao thực hiện (tr.đ)	Tiền thưởng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị/HĐTV</b>					<b>360</b>		
1	Phan Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	85	88,53	3	265,6		
2	Hoàng Hải Đường	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	51	10,62	3	31,9		
3	Lê Minh Quốc	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	51	10,20	3	30,6		
4	Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	51	10,62	3	31,9		
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>					<b>30,0</b>		
1	Vũ Thị Hằng	Thành viên BKS kiêm nhiệm	24	5,00	3,0	15,0		
2	Trần Thị Hương	Thành viên BKS kiêm nhiệm	24	5,00	3,0	15,0		
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>					<b>581</b>		
1	Trần Ngọc Tuấn	Phó giám đốc Công ty	54	56,24	3	168,7		
2	Nguyễn Văn Quý	Phó giám đốc Công ty	51	53,12	3	159,3		
3	Trần Quang Hùng	Phó giám đốc Công ty	51	53,12	3	159,3		
4	Cao Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	30	31,24	3	93,7		



Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2021

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG  
CỦA HĐQT/HĐTV, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020  
Từ 01/04/2020 đến hết 31/12/2020**

(Kèm theo Báo cáo số 029./PIACOM-BC ngày 29./03/2021 của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex)

**A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020:**

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện 13.364
- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 11.981
- Tỷ lệ tiền lương quyết toán/tiền lương kế hoạch 120%

\* Trường hợp có yếu tố loại trừ trong việc xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, đơn vị có Phụ lục giải trình kèm theo

**B. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020**

TT	Họ tên	Chức danh	Mức lương Kế hoạch (tr.đ/th)	Mức lương/thù lao thực hiện (tr.đ/th)	Số tháng được hưởng	Tiền lương, thù lao thực hiện (tr.đ)	Tiền thưởng	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)	(9)	
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị/HĐTV</b>						<b>700</b>		
1	Phan Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	44	52,50	9	472,5			
2	Hoàng Hải Đường	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	34	8,20	9	73,8			
3	Lê Minh Quốc	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	51	10,20	3	30,6			
4	Nguyễn Đình Thanh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	34	8,20	6	49,2			
5	Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	34	8,20	9	73,8			
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>						<b>125,2</b>		
1	Đặng Thị Hồng Hà	Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách	12	12,00	6,0	72,0			
2	Vũ Thị Hằng	Thành viên BKS kiêm nhiệm	25	0,00	9,0	-			
3	Trần Thị Hương	Thành viên BKS kiêm nhiệm	25	5,91	9,0	53,2			
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>						<b>1.480</b>		
1	Trần Ngọc Tuấn	Giám đốc Công ty	40	47,57	5	237,9			
2	Trần Ngọc Tuấn	Phó giám đốc Công ty	34	41,01	4	164,1			
3	Nguyễn Văn Quý	Phó giám đốc Công ty	34	41,01	9	369,1			
4	Trần Quang Hùng	Phó giám đốc Công ty	34	41,01	9	369,1			
5	Cao Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	31	37,73	9	339,6			